

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/4/2022.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Bà Phạm Hồng Gái

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:*** Bà **Trần Phương Thúy** – kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2022 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị **Dương Thị Kim H**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 6, ấp Bến Đá, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

* ***Bị đơn:*** Anh **Đào Minh T**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 6, ấp Bến Đá, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* ***Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị Kim H trình bày như sau:***

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị Kim H và anh Đào Minh T tự tìm hiểu yêu thương nhau được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02 tháng 10 năm 2012. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất vui vẻ, hạnh phúc. Đến năm 2021 giữa chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên đá gà, cờ bạc, dùng lời lẽ xúc phạm và hăm dọa giết chị H. Do mâu thuẫn trầm trọng nên thời gian gần đây chị H và anh T không sống chung với nhau. Nay xét thấy không còn tình cảm nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị H và anh T có 02 người con chung tên Đào Dương Bảo Ngọc, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2012 và Đào Dương Thiên Ân, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2018. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đào Dương Thiên Ân đến tuổi trưởng thành, đồng ý giao cháu Đào Dương Bảo Ngọc cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị H và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án anh Đào Minh T có ý kiến như sau*:

- *Về hôn nhân*: Anh T và chị H tự tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 02 tháng 10 năm 2012 là đúng. Theo anh T trình bày cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị H rất hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây giữa anh T và chị H xảy ra mâu thuẫn nên anh T có đánh chị H. Nay anh T vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống anh T và chị H có 02 người con chung tên Đào Dương Bảo Ngọc, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2012 và Đào Dương Thiên Ân, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2018. Nếu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn với anh T thì anh T đồng ý nhận nuôi con chung tên Đào Dương Bảo Ngọc và đồng ý giao con chung tên Đào Dương Thiên Ân cho chị H nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh T và chị H thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm*:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận việc nuôi con chung giữa chị H và anh T: giao cháu Đào Dương Bảo Ngọc cho anh Đào Minh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và giao cháu Đào Dương Thiên Ân cho chị Dương Thị Kim H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị HĐXX không xem xét. Ngoài ra, buộc chị Dương Thị Kim H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Dương Thị Kim H yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Đào Minh T. Anh T cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Đào Minh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Chị Dương Thị Kim H và anh Đào Minh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02 tháng 10 năm 2012. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Xét yêu cầu của chị H; Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống với nhau, chị H trình bày bắt đầu từ năm 2018 giữa anh chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên cờ bạc, không lo lắng cho gia đình, cự cãi và đánh chị H. Hiện nay do mâu thuẫn nên chị H và anh T không chung sống với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Dương Thị Kim H đoàn tụ với anh Đào Minh T để nuôi dạy con chung đến tuổi trưởng thành nhưng chị H vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh T. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt để Tòa án động viên hàn gắn tình cảm. Qua đó chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị H và anh T đều xác định trong quá trình chung sống anh chị có với nhau 02 người con chung tên Đào Dương Bảo Ngọc, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2012 và Đào Dương Thiên Ân, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2018. Tại phiên tòa chị H yêu cầu được nuôi cháu Đào Dương Thiên Ân và đồng ý giao con chung Đào Dương Bảo Ngọc cho anh T nuôi dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của chị H HĐXX nhận thấy: Anh Đào Minh T cũng yêu cầu tương tự là nhận nuôi cháu Đào Dương Bảo Ngọc và

đồng ý giao cháu Đào Dương Thiên Ân cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo giúp các cháu phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị H và anh T.

[3.3] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị H và anh T đều không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Do đó HĐXX không xem xét.

[3.4] *Về tài sản chung*: Chị H và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] *Về nợ chung*: Chị H xác nhận chị và anh T không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Dương Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Chị Dương Thị Kim H được ly hôn với anh Đào Minh T.

2/. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện giữa các đương sự. Giao cháu Đào Dương Bảo Ngọc, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2012 cho anh Đào Minh T và giao cháu Đào Dương Thiên Ân, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị Kim H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Dương Thị Kim H và anh Đào Minh T có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị Kim H và anh Đào Minh T đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001636 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị H không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An